



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2692.1852>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Thúy Hằng<sup>1\*</sup> và Phạm Thị Bình<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn](mailto:ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 03/11/2025; Ngày duyệt đăng: 05/12/2025

### Tóm tắt

Bài báo khảo sát thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên tại các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh theo bốn chức năng: (1) Lập kế hoạch; (2) Tổ chức thực hiện; (3) Chỉ đạo; (4) Kiểm tra - đánh giá, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc trên 38 cán bộ quản lý và 191 giáo viên tại 6 trường tiểu học công lập trên địa bàn Quận Bình Thạnh. Kết quả cho thấy, quản lý hoạt động nghiên cứu sư phạm ứng dụng được triển khai “thường xuyên” và đạt hiệu quả “khá” ở tất cả các chức năng, song mức hiệu quả nhìn chung thấp hơn mức độ thực hiện. Các yếu tố chủ quan như năng lực và phẩm chất của nhà quản lý, sự hợp tác và năng lực của đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng lớn hơn so với các yếu tố khách quan như hành lang pháp lý hay bối cảnh kinh tế – xã hội. Bài viết tập trung giải quyết vấn đề thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên tại các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu, góp phần tạo cơ sở khoa học để đề xuất biện pháp quản lý phù hợp.

**Từ khóa:** Giáo viên tiểu học, hoạt động, nghiên cứu khoa học, quản lý, sư phạm ứng dụng.

Trích dẫn: Phạm, T. T. H., & Phạm, T. B. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các Trường Tiểu học quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-16. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2692.1852>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **THE CURRENT SITUATION OF MANAGING TEACHERS' ACTION RESEARCH ACTIVITIES IN PRIMARY SCHOOLS IN BINH THANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY**

**Pham Thi Thuy Hang<sup>1\*</sup> and Pham Thi Binh<sup>2</sup>**

*<sup>1</sup>Faculty of Psychology and Education, University of Education, Hue University, Vietnam*

*<sup>2</sup>Nguyen Ba Ngoc Primary School, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: ptthang.dhsp@hueuni.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 13/9/2025; Received in revised form: 3/11/2025; Accepted: 5/12/2025*

### **Abstract**

*This study examines the current situation of managing teachers' action research activities in primary schools in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City. Four management functions are included: (1) planning; (2) organizing; (3) directing; and (4) monitoring and evaluation. It also analyzes influencing factors. A mixed-methods approach was employed, combining questionnaire surveys and semi-structured interviews with 38 administrators and 191 teachers from six public primary schools in Binh Thanh District. The findings indicate that the task of managing action research activities has been implemented "frequently" and achieved a "fairly effective" level across all four functions; however, the effectiveness generally falls below the level of implementation. Subjective factors, such as the competencies and qualities of administrators as well as the collaboration and capacity of teachers, exert a stronger influence compared to objective factors, including the legal framework and socio-economic context. The article addresses the practical realities of this management task in primary schools within the studied area and provides a scientific basis for proposing appropriate management measures.*

**Keywords:** *Action research, educational quality, management, primary school teachers.*

## **1. Giới thiệu**

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, nguồn nhân lực không chỉ cần được đào tạo về chuyên môn mà còn phải liên tục học tập, nâng cao trình độ và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, để nâng cao năng suất và chất lượng công việc. Hoạt động dạy - học ở trường phổ thông đòi hỏi giáo viên (GV) đáp ứng nhiều năng lực khác nhau, trong đó năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPUD) không chỉ giúp GV phát triển chuyên môn mà còn rèn luyện tư duy khoa học, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo (Mertler, 2019; McNiff, 2017). Hoạt động NCKHSPUD đã trở thành hoạt động thiết yếu, đóng góp quan trọng trong nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường phổ thông. NCKHSPUD không chỉ là hoạt động nghiên cứu hàn lâm mà còn là một chu trình áp dụng, thử nghiệm và kiểm chứng các giải pháp sư phạm nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn ngay tại lớp học và nhà trường (Mertler, 2019). Đặc biệt, ở bậc tiểu học, NCKHSPUD góp phần phát triển năng lực chuyên môn, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề của GV và cán bộ quản lý (CBQL). Thông qua các hoạt động này, GV không chỉ đánh giá hiệu quả giảng dạy mà còn tăng cường khả năng sáng tạo, triển khai các phương pháp sư phạm mới phù hợp với thực tế lớp học (McNiff, 2017). Tại Việt Nam, Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định cần “quan tâm nghiên cứu khoa học (NCKH) giáo dục và khoa học quản lý” như một nhiệm vụ trọng tâm để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013). Luật Giáo dục 2019 cũng quy định nhà giáo có nhiệm vụ thực hiện NCKH nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục (Quốc hội, 2019). Yêu cầu này được cụ thể hóa trong Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a) và Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b), trong đó GV phải có năng lực thực hiện NCKHSPUD để nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh.

Nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến lý luận và thực tiễn NCKHSPUD của GV ở các cấp học khác nhau, như với đối tượng giảng viên đại học (Nguyễn & Nguyễn, 2016); với GV trung học phổ thông (Nguyễn & Nguyễn, 2018; Phạm, 2021); với GV tiểu học (Hồ & cs., 2024). Tuy nhiên, kết quả từ các nghiên cứu này cho thấy hoạt động NCKHSPUD trong nhà trường phổ thông vẫn còn mang tính hình thức, mức độ ứng dụng vào thực tiễn chưa cao và đôi khi xuất phát từ động cơ hoàn thành tiêu chí thi đua vào cuối năm học. Quy trình đánh giá sáng kiến kinh nghiệm vẫn còn hạn chế, thiếu sự tham gia của các chuyên gia bên ngoài (Nguyễn, 2014; Hồ & cs., 2024). Trong bối cảnh đó, quản lý hoạt động NCKHSPUD - bao gồm các khâu lập kế hoạch, tổ chức, điều phối, giám sát và đánh giá – giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo quá trình nghiên cứu diễn ra có hệ thống, tuân thủ nguyên tắc khoa học và đạt giá trị ứng dụng cao. Một hệ thống quản lý hiệu quả cho phép lựa chọn đề tài phù hợp, thiết kế nghiên cứu chặt chẽ, thu thập và phân tích dữ liệu chính xác, từ đó tổng hợp kết quả và nhân rộng các giải pháp khả thi (Kemmis et al., 2014). Do vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKHSPUD của GV, công tác quản lý cần được xem là yếu tố thiết yếu và cấp bách, nhất là trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự gia tăng mạnh mẽ của công nghệ trong lĩnh vực giáo dục.

Những luận điểm nêu trên cho thấy, mặc dù NCKHSPUD của GV đã và đang được triển khai ở nhiều cấp học, song hiệu quả thực tiễn vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông. Việc thiếu tính hệ thống trong quy trình thực hiện và những bất cập trong công tác đánh giá không chỉ làm giảm giá trị khoa học của các đề tài mà còn hạn chế khả năng áp dụng kết quả vào thực tiễn giảng dạy và quản lý. Chính vì vậy, yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV trở nên cấp thiết, không chỉ nhằm bảo đảm tính khoa học và khả năng ứng dụng của các nghiên cứu, mà còn để tạo môi trường học thuật khuyến khích GV đổi mới phương pháp, khai thác công nghệ và phát triển năng lực nghề nghiệp. Quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV, chuẩn bị đội ngũ nhà giáo có đủ phẩm chất

và năng lực nghề nghiệp để đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trở thành nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà trường hiện nay.

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về thực tiễn quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) theo các chức năng: (1) Lập kế hoạch; (2) Tổ chức thực hiện; (3) Chỉ đạo; (4) Kiểm tra - đánh giá (KT-ĐG); đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động này ở trường tiểu học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu định hướng các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động NCKHSPUD của GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Tổng quan lý thuyết

- *Hoạt động NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học* là một dạng nghiên cứu hành động (action research) được tiến hành trực tiếp trong môi trường giáo dục nhằm cải thiện chất lượng dạy học và quản lý giáo dục (Mertler, 2019). Theo McNiff (2017), nghiên cứu hành động trong giáo dục cho phép GV vừa là nhà nghiên cứu vừa là người thực hành, từ đó tự điều chỉnh và đổi mới các chiến lược giảng dạy để giải quyết vấn đề thực tiễn. Trong giáo dục tiểu học, Hine (2013) chỉ ra rằng việc triển khai NCKHSPUD giúp GV nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển kỹ năng phân tích, và cải thiện phương pháp sư phạm phù hợp với đặc điểm tâm lý – nhận thức của học sinh. Trên bình diện quốc tế, UNESCO (2000) coi phát triển nghề nghiệp liên tục, trong đó có năng lực nghiên cứu, là một thành tố thiết yếu của chất lượng giáo dục. Trong bài báo này, trên cơ sở các quan điểm nêu trên NCKHSPUD được xem xét là một loại hình NCKH ứng dụng trong giáo dục, vận dụng tri thức khoa học – công nghệ và lý luận sư phạm để cải tiến phương pháp, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và quản lý giáo dục. Ở nghĩa hẹp, NCKHSPUD là quá trình GV hoặc GV thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm cụ thể, sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp để đánh giá tác động đó, từ đó đề xuất giải pháp thay thế nhằm nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục (UNESCO, 2008; Mertler, 2019). Hoạt động này vừa mang tính học thuật vừa gắn trực tiếp với nhu cầu cải thiện thực tiễn giáo dục.

- *Quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học* được thực hiện trên cơ sở những cơ sở chung của quản lý nhà trường tiểu học, đồng thời có những nét đặc thù của quản lý hoạt động NCKH SPUD của GV trong nhà trường. Quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV trong trường tiểu học là tổng thể các tác động có tổ chức, có mục đích của hiệu trưởng và các chủ thể quản lý nhằm bảo đảm hoạt động NCKH của GV diễn ra khoa học, hiệu quả và phù hợp mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục. Kemmis et al. (2014) cho rằng quản lý hiệu quả NCKHSPUD bao gồm việc xác định mục tiêu rõ ràng, lập kế hoạch chi tiết, phân công hợp lý, giám sát tiến độ, đánh giá kết quả và phổ biến kết quả nghiên cứu. Mertler (2019) bổ sung rằng công tác quản lý cần đảm bảo tính hệ thống, khoa học và gắn kết với chiến lược phát triển nhà trường, qua đó tối đa hóa tác động tích cực của NCKHSPUD tới chất lượng giáo dục.

- *Chức năng quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học*: Hoạt động NCKH SPUD của GV phải tuân thủ theo sự chỉ đạo, điều khiển của các chủ thể quản lý trong nhà trường. Mặt khác, GV phải chủ động, tích cực tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động NCKH SPUD của chính bản thân mình. Trong trường tiểu học, hiệu trưởng thực hiện vai trò lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động NCKHSPUD, tương ứng với việc thực hiện các chức năng quản lý theo chu trình Plan - Do - Check - Act (Vòng tròn PCDA): Plan - Lập kế hoạch; Do - Thực hiện kế hoạch đã lập; Check - Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; Act - Thực hiện điều chỉnh, cải tiến thích hợp (Deming, 1986). Trên cơ sở đó, nghiên cứu này xác định các chức năng quản lý hoạt động NCKHSPUD trong trường tiểu học bao gồm: (1) Lập kế hoạch - xác định mục tiêu, nội dung, nguồn lực và phương án triển khai hoạt động NCKHSPUD dựa trên cơ sở pháp

lý và nhu cầu thực tiễn; (2) Tổ chức thực hiện - phân công nhiệm vụ, huy động nguồn lực, điều phối các bộ phận và cá nhân tham gia nghiên cứu; (3) Chỉ đạo thực hiện - hướng dẫn, giám sát, điều chỉnh quá trình triển khai, tạo động lực và hỗ trợ GV; (4) KT - ĐG - theo dõi tiến độ, đo lường kết quả, rút kinh nghiệm và khen thưởng, bảo đảm tính khách quan và giá trị ứng dụng. Việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chức năng này không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu của GV mà còn góp phần hình thành văn hóa nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong nhà trường.

- Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học: trên cơ sở lý thuyết, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động NCKHSPUD được xác định: (1) Các yếu tố khách quan gồm: xu thế phát triển của nền kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp 4.0; chính sách và khung pháp lý của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b); điều kiện kinh tế - xã hội và sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương; (2) Các yếu tố chủ quan gồm: nhận thức và năng lực của CBQL và GV; môi trường sư phạm; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật; và văn hóa học thuật của nhà trường. Sự kết hợp thuận lợi của các yếu tố này quyết định thành công của quản lý hoạt động NCKHSPUD ở trường tiểu học (Kemmis & cs., 2014; Hine, 2013).

Như vậy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập tới hoạt động NCKHSPUD và quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở các bậc học khác nhau, song số lượng công trình chuyên sâu về quản lý hoạt động này tại các trường tiểu học ở khu vực đô thị lớn như Quận Bình Thạnh, TP.HCM vẫn còn hạn chế. Đây là địa bàn có đặc điểm xã hội - kinh tế đa dạng, tốc độ đô thị hóa nhanh, áp lực đổi mới giáo dục lớn, đòi hỏi các giải pháp quản lý hiệu quả, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Việc nghiên cứu trong bối cảnh này sẽ góp phần bổ sung khoảng trống lý luận và cung cấp căn cứ thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

### **3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Mẫu nghiên cứu**

Mẫu khảo sát định lượng gồm 229 người, trong đó có 38 CBQL và 191 GV đến từ 6 trường tiểu học công lập trên địa bàn Quận Bình Thạnh, bao gồm: Tiểu học Tâm Vu, Tiểu học Bé Văn Đàn, Tiểu học Thanh Đa, Tiểu học Chu Văn An, Tiểu học Bình Hòa và Tiểu học Đồng Đa. Mẫu định tính được chọn ngẫu nhiên từ nhóm khảo sát định lượng, gồm 6 CBQL và 6 GV của 6 trường nêu trên. Dữ liệu khảo sát định lượng và định tính được thu thập trực tiếp từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2024. Nhóm nghiên cứu phối hợp với ban giám hiệu các trường để trực tiếp khảo sát.

#### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods) kết hợp định lượng và định tính nhằm mô tả và phân tích thực trạng quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM. Phương pháp định lượng được triển khai thông qua khảo sát bằng bảng hỏi có cấu trúc, trong khi phương pháp định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn bán cấu trúc để làm rõ những kết quả thu được từ khảo sát.

Công cụ khảo sát định lượng là bảng hỏi do nhóm tác giả xây dựng, gồm hai phần: (1) Thông tin nhân khẩu học; Nội dung khảo sát về quản lý hoạt động NCKHSPUD: mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả các chức năng quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc. Kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy bảng hỏi đạt  $\alpha = 0,890$ , với

hệ số tương quan biên-tổng của tất cả các mục > 0,30, đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy trong nghiên cứu giáo dục (Nunnally & Bernstein, 1994).

Để xử lý số liệu khảo sát, nghiên cứu quy ước thang đo với 5 mức độ thực hiện, mức độ hiệu quả và mức độ ảnh hưởng, trong thang đo giá trị khoảng cách là  $n = \frac{\text{cao nhất} - \text{thấp nhất}}{n} = \frac{5-1}{5} = 0,8$  (Hoang & Nguyen, 2008). Theo đó, mức độ thực hiện, mức độ hiệu quả và mức độ ảnh hưởng được quy ước như sau: Rất thường xuyên/Tốt/Ảnh hưởng rất nhiều ( $4,20 \leq M \leq 5$ ); Thường xuyên/Khá/Ảnh hưởng nhiều ( $3,40 \leq M < 4,20$ ); Bình thường/Trung bình/Phân vân ( $2,60 \leq M < 3,40$ ); Ít thực hiện/Yếu/Ít ảnh hưởng ( $1,80 \leq M < 2,60$ ); Không thực hiện/Kém/Không ảnh hưởng ( $1,0 \leq M < 1,80$ ). Số liệu được xử lý thông qua phần mềm SPSS với các đại lượng: M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc; r: Hệ số tương quan; \*:  $p < 0.05$ ; \*\*:  $p < 0.01$ .

Công cụ khảo sát định tính là bộ câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc, tập trung vào ba nội dung: (i) thuận lợi và khó khăn trong quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV; (ii) đánh giá hiệu quả công tác quản lý; (iii) đề xuất biện pháp cải thiện. Các đối tượng tham gia phỏng vấn được mã hóa theo quy tắc: vị trí công tác (CBQL và GV) và số thứ tự trường (từ 1 đến 6) tương ứng với các trường Tiểu học Tâm Vu, Bế Văn Đàn, Thanh Đa, Chu Văn An, Bình Hòa và Đồng Đa. Theo đó, mỗi người tham gia được gán một mã định danh duy nhất, chẳng hạn CBQL1 - CBQL của Trường Tiểu học Tâm Vu; GV3 - GV của Trường Tiểu học Thanh Đa. Dữ liệu phỏng vấn được xử lý theo phương pháp phân tích nội dung (content analysis), bao gồm các bước: mã hóa dữ liệu theo chủ đề, nhóm các ý kiến tương đồng và trích dẫn những phát biểu tiêu biểu nhằm minh họa, củng cố và đối chiếu với kết quả định lượng.

#### 4. Kết quả và thảo luận

##### 4.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác lập kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học**

TT	Lập kế hoạch	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xác định căn cứ pháp lý thực hiện hoạt động NCKHSPUD của GV	4,05	0,78	1	3,76	1,00	8	0,42**
2	Xác định căn cứ thực tiễn hoạt động NCKHSPUD của GV (Phân tích bối cảnh nhà trường)	3,98	0,81	2	3,84	0,91	2	0,15**
3	Xác định mục tiêu hoạt động NCKH SPUD của GV	3,94	0,80	3	3,83	0,90	3	0,60*
4	Xác định các hoạt động cần thực hiện và kết quả cần đạt đối với từng hoạt động NCKH SPUD	3,91	0,84	4	3,79	0,94	7	0,25**
5	Xác định nguồn lực, điều kiện thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD của GV	3,88	0,82	5	3,82	0,93	5	0,38**
6	Phân công phụ trách các nội dung NCKHSPUD của GV	3,85	0,85	6	3,92	0,93	1	0,53**

TT	Lập kế hoạch	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
7	Xác định công tác phối hợp các bên liên quan để thực hiện hoạt động NCKHSPUD của GV	3,82	0,86	7	3,82	0,92	4	0,22**
8	Dự kiến phương án đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD của GV	3,78	0,88	8	3,80	0,97	6	0,38*
<b>M chung</b>		<b>3,90</b>			<b>3,72</b>			<b>0,56**</b>

\* Ghi chú: Điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), thứ bậc (TB), r (hệ số tương quan, \*:  $p < 0,05$ ; \*\*:  $p < 0,01$ ); **Mức độ thực hiện**: 1. Không bao giờ; 2. Hiếm khi; 3. Thành thoảng; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên; **Mức độ hiệu quả**: 1. Kém; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Tốt

Kết quả khảo sát tại Bảng 1 cho thấy, mức độ thực hiện công tác lập kế hoạch hoạt động NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học quận Bình Thạnh đạt M chung = 3,90, tương ứng mức thường xuyên. Mức độ hiệu quả chung M = 3,72 ở mức khá, nhưng vẫn thấp hơn 0,18 điểm so với mức độ thực hiện. Khoảng cách này phản ánh thực trạng kế hoạch tuy được xây dựng đều đặn nhưng chưa hoàn toàn chuyển hóa thành hiệu quả trong thực tiễn công tác quản lý.

Điểm nổi bật là các nội dung xác định căn cứ pháp lý (M = 4,05) và xác định mục tiêu nghiên cứu (M = 3,94) đạt mức thực hiện cao nhất. Nội dung phân công phụ trách tuy chỉ xếp thứ sáu về mức thực hiện (M = 3,85) nhưng lại có hiệu quả cao nhất (M = 3,92), cho thấy tác động tích cực của việc phân định rõ trách nhiệm. Điều này phù hợp với quan điểm của Fullan và Quinn (2016) về việc rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn là điều kiện cần để tăng cường hiệu quả triển khai và kết quả đầu ra. Một số CBQL được phỏng vấn nhấn mạnh, khi phân công cụ thể từng GV phụ trách một mảng nghiên cứu, việc theo dõi và hỗ trợ trở nên dễ dàng hơn, sản phẩm cũng đạt chất lượng hơn (CBQL1, CBQL4).

Tuy nhiên, tồn tại đáng chú ý là căn cứ pháp lý dù có điểm thực hiện cao nhất nhưng hiệu quả lại thấp nhất (M = 3,76). Nguyên nhân, theo phản hồi của một số CBQL, là do nhiều trường chỉ dừng ở việc trích dẫn các văn bản pháp quy mang tính thủ tục, chưa vận dụng linh hoạt các quy định này để điều chỉnh mục tiêu và nội dung nghiên cứu phù hợp với đặc thù đơn vị (CBQL2, CBQL5). Bên cạnh đó, các nội dung như phân tích bối cảnh nhà trường (M = 3,98; hiệu quả M = 3,84) và dự kiến phương án đánh giá (M = 3,78; hiệu quả M = 3,80) còn hạn chế về chiều sâu phân tích và tính khả thi của tiêu chí đánh giá.

Phân tích mối tương quan cho thấy phần lớn các nội dung có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$  hoặc  $p < 0,01$ ), chứng tỏ khi mức độ thực hiện tăng, hiệu quả có xu hướng gia tăng. Đặc biệt, xác định mục tiêu ( $r = 0,60^*$ ) và phân công phụ trách ( $r = 0,53^{**}$ ) đạt hệ số tương quan trung bình – cao, khẳng định vai trò “điểm then chốt” của hai nội dung này trong chu trình lập kế hoạch. Ngược lại, nội dung phân tích bối cảnh (M = 3,98;  $r = 0,15$ ,  $p < 0,01$ ) có tương quan rất thấp với hiệu quả thực hiện, cho thấy khoảng trống trong việc chuyển hóa thông tin bối cảnh thành căn cứ cụ thể để tối ưu triển khai kế hoạch. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Zhang & cs. (2021), khi chỉ ra rằng kỹ năng lập kế hoạch nghiên cứu của GV chịu ảnh hưởng đáng kể từ khả năng phân tích bối cảnh và vận dụng vào thiết kế hoạt động, đặc biệt khi có chương trình bồi dưỡng chuyên sâu.

Tóm lại, công tác lập kế hoạch NCKHSPUD của GV tại các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM đã được triển khai thường xuyên và đạt hiệu quả ở mức khá, với thế mạnh ở

khâu xác định mục tiêu và phân công phụ trách. Tuy nhiên, cần chuyên đổi cách tiếp cận căn cứ pháp lý từ mang tính tuân thủ sang vận dụng linh hoạt, đồng thời nâng cao năng lực phân tích bối cảnh và thiết kế tiêu chí đánh giá để thu hẹp khoảng cách giữa kế hoạch và hiệu quả thực thi.

#### 4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học**

TT	Tổ chức thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xây dựng nhiệm vụ, mối quan hệ của từng bộ phận, cá nhân trong hoạt động NCKHSPƯĐ ở nhà trường	3,90	0,85	6	3,72	0,93	6	0,42**
2	Ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, bộ phận trong nhà trường liên quan đến NCKHSPƯĐ của GV	3,92	0,84	5	3,75	0,91	5	0,38**
3	Xây dựng cơ cấu lực lượng nòng cốt trong NCKHSPƯĐ có tác dụng phân bổ nguồn lực hợp lí cho từng công việc	3,88	0,86	7	3,70	0,94	7	0,35*
4	Phân công trách nhiệm giữa các cấp quản lý nhà trường, TCM đúng chức năng trong tổ chức NCKHSPƯĐ	3,93	0,82	4	3,77	0,90	4	0,46**
5	Sắp xếp, bố trí các điều kiện cần thiết trong nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu hoạt động NCKHSPƯĐ	3,95	0,81	3	3,80	0,88	3	0,40*
6	Tổ chức các chuyên đề, tập huấn cho GV bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng NCKHSPƯĐ	3,98	0,79	1	3,84	0,86	1	0,52**
7	Phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn phương pháp NCKH cho GV khác	3,96	0,80	2	3,82	0,87	2	0,48**
<b>M chung</b>		<b>3,93</b>			<b>3,77</b>			<b>0,46**</b>

\* Ghi chú: Điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), thứ bậc (TB), r (hệ số tương quan, \*:  $p < 0,05$ ; \*\*:  $p < 0,01$ ); **Mức độ thực hiện**: 1. Không bao giờ; 2. Hiếm khi; 3. thỉnh thoảng; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên; **Mức độ hiệu quả**: 1. Kém; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Tốt

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy mức độ thực hiện các nội dung tổ chức thực hiện kế hoạch NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM đạt M chung = 3,93 thuộc mức thường xuyên. Mức độ hiệu quả tuy thấp hơn nhưng vẫn ở mức khá (M = 3,77). Sự chênh lệch giữa hai chỉ số này phản ánh rằng dù công tác tổ chức được triển khai khá đồng bộ, hiệu quả thực tế vẫn chưa đạt mức tương xứng, cho thấy còn khoảng cách giữa kế hoạch và kết quả đầu ra.

Về những nội dung nổi bật, các hoạt động liên quan đến tổ chức tập huấn, bồi dưỡng năng lực NCKHSPUD cho GV (M thực hiện = 3,98; M hiệu quả = 3,84) và phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn đồng nghiệp (M thực hiện = 3,96; hiệu quả M hiệu quả = 3,82) được đánh giá cao nhất. Điều này phản ánh sự quan tâm của ban giám hiệu tới việc hình thành lực lượng nòng cốt, tạo môi trường cộng tác và chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu trong trường. Ngoài ra, nội dung bố trí các điều kiện cần thiết (M = 3,95) và phân công trách nhiệm đúng chức năng (M = 3,93) cũng đạt điểm cao, cho thấy các trường đã có sự phân bổ nguồn lực và giao việc khá rõ ràng.

Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra một số hạn chế. Hoạt động xây dựng cơ cấu lực lượng nòng cốt có mức điểm thấp nhất (M thực hiện = 3,88; M hiệu quả = 3,70), cho thấy việc phân bổ nhân sự và xác định vai trò hạt nhân nghiên cứu vẫn chưa thực sự hiệu quả. Một số ý kiến phỏng vấn GV cho rằng cơ chế lựa chọn thành viên nòng cốt đôi khi mang tính hình thức, dựa vào danh sách có sẵn hơn là dựa vào năng lực nghiên cứu thực tế, dẫn đến hiệu quả phối hợp chưa cao (GV2;GV4). Bên cạnh đó, một số CBQL cũng thừa nhận việc ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ chưa được cập nhật thường xuyên, gây khó khăn trong việc đảm bảo tính pháp lý và tính thống nhất khi triển khai (CBQL5;CBQL6).

Phân tích mối tương quan cho thấy tất cả các nội dung đều có hệ số r dương và có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$  hoặc  $p < 0,01$ ), phản ánh mối quan hệ thuận giữa mức độ thực hiện và hiệu quả. Đặc biệt, nội dung tổ chức tập huấn bồi dưỡng năng lực có  $r = 0,52^{**}$  và phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn có  $r = 0,48^{**}$ , cho thấy tác động tích cực rõ rệt của hoạt động hỗ trợ chuyên môn và chia sẻ kinh nghiệm đối với hiệu quả thực hiện hoạt động NCKHSPUD của GV. Điều này phù hợp với luận điểm của Kemmis et al., (2014) cho rằng năng lực nghiên cứu của GV được nâng cao đáng kể thông qua học hỏi đồng nghiệp và bồi dưỡng chuyên sâu.

Tóm lại, có thể khẳng định công tác tổ chức thực hiện kế hoạch NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM đã đạt mức khá tốt về cả tần suất triển khai và hiệu quả, với thế mạnh ở hoạt động tập huấn, phân công trách nhiệm và cung cấp điều kiện thực hiện. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, cần chú trọng cơ chế tuyển chọn và phát huy vai trò của lực lượng nòng cốt, đồng thời cập nhật hệ thống văn bản quy định nhằm đảm bảo tính pháp lý và sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

### **4.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh**

Kết quả khảo sát tại Bảng 3 cho thấy, mức độ thực hiện công tác chỉ đạo hoạt động NCKHSPUD của GV tại các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM đạt M= 3,95, tương ứng mức thường xuyên. Mức độ hiệu quả đạt M= 3,79, tương ứng mức khá. Chênh lệch trung bình 0,16 điểm phản ánh rằng, mặc dù các hoạt động chỉ đạo được tiến hành thường xuyên, hiệu quả đạt được chưa hoàn toàn tương xứng với tần suất thực hiện.

Điểm mạnh nổi bật là việc hướng dẫn, chỉ đạo đội ngũ và các bộ phận liên quan (M = 4,08) cùng với theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ (M = 4,01) được đánh giá cao nhất. Các kết quả phỏng vấn cho thấy, nhiều CBQL duy trì chế độ sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn định kỳ, kết

hợp trao đổi trực tiếp trong giờ giải lao để nhắc nhở và hướng dẫn triển khai từng bước NCKHSPUD (CBQL2, GV3). Việc này góp phần tạo điều kiện cho GV nắm rõ yêu cầu, tiến độ và phương pháp nghiên cứu phù hợp với thực tiễn lớp học. Điều này phù hợp với quan điểm của OECD (2008) về việc tạo môi trường làm việc hợp tác và tăng cường tham gia chủ động trong đội ngũ GV.

Hạn chế thể hiện ở những nội dung như xây dựng môi trường hợp tác, tương trợ ( $M = 3,85$ ) và khích lệ, tạo động lực ( $M = 3,88$ ), vốn được đánh giá ở mức thấp hơn so với các khâu mang tính quản lý kỹ thuật. Điều này cho thấy yếu tố “lãnh đạo tạo động lực” chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến bầu không khí hợp tác chưa thật sự mạnh mẽ. Kết quả phỏng vấn bổ sung lý giải rằng một số GV vẫn coi NCKHSPUD là nhiệm vụ phụ, chưa gắn với đánh giá thi đua hoặc quyền lợi cụ thể, nên sự chủ động còn hạn chế (GV4, GV5). Kết quả này gợi ý rằng việc chỉ đạo tập trung, thiên về hành chính, chưa đủ đảm bảo nâng cao chất lượng triển khai nếu thiếu phân quyền và trao quyền thực chất. Nghiên cứu của Heck và Hallinger (2010) cũng khẳng định rằng phân bổ hợp lý quyền hạn và trách nhiệm trong đội ngũ (distributed leadership) có tác động rõ rệt đến việc truyền đạt mục tiêu và tối ưu hóa quá trình thực hiện. Dữ liệu phỏng vấn cũng có nhận định trên. Một số CBQL chia sẻ rằng, nhà quản lý thường xuyên phân công nhiệm vụ, nhưng nếu GV không được chủ động điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu chuyên môn của bản thân thì có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động nghiên cứu (CBQL3;CBQL6). Điều này cho thấy cần có sự cân bằng giữa chỉ đạo tập trung và trao quyền chủ động cho GV.

Phân tích mối tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả cho thấy tất cả các nội dung đều có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$  hoặc  $p < 0,01$ ), với hệ số  $r$  dao động từ 0,21 đến 0,46, khẳng định rằng khi các hoạt động chỉ đạo được thực hiện chất lượng, hiệu quả triển khai sẽ gia tăng tương ứng. Một điểm cần lưu ý là hướng dẫn, chỉ đạo đội ngũ có mức thực hiện cao nhất ( $M = 4,08$ ) nhưng lại có tương quan thấp nhất ( $r = 0,21^{**}$ ), gợi ý rằng tần suất chỉ đạo nhiều chưa chắc đã tạo ra hiệu quả tương ứng nếu nội dung chỉ đạo mang tính chung chung hoặc chưa cá thể hóa theo nhu cầu từng GV. Đáng chú ý, hoạt động dự báo và xử lý kịp thời vướng mắc ( $r = 0,46^{**}$ ) và ra quyết định kịp thời ( $r = 0,40^{**}$ ) có tương quan ở mức trung bình, phản ánh vai trò quan trọng của sự linh hoạt, nhanh nhạy của CBQL trong việc bảo đảm tiến độ và chất lượng nghiên cứu. Hệ số ở mức thấp đến trung bình cho thấy cần chú trọng cải thiện, đặc biệt ở việc gắn kết hoạt động chỉ đạo với chiến lược phát triển năng lực nghiên cứu bền vững.

**Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học**

TT	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Hướng dẫn, chỉ đạo đội ngũ GV, các bộ phận liên quan tích cực tham gia hoạt động NCKH SPUD	4,08	0,87	1	3,92	0,90	1	0,21**
2	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ tập thể, cá nhân thực hiện công việc được phân công trong hoạt động NCKH SPUD	4,01	0,86	2	3,85	0,88	2	0,38**

TT	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
3	Dự báo, phát hiện những sai sót, vướng mắc trong thực thi kế hoạch để đưa ra những biện pháp xử lý phù hợp	3,94	0,93	3	3,79	0,91	3	0,46**
4	Ra quyết định kịp thời trong từng hướng cụ thể khi triển khai các nội dung trong hoạt động NCKH SPUD của GV	3,93	0,86	4	3,77	0,89	4	0,40**
5	Khích lệ, tạo động lực cho tập thể, GV phát huy năng lực, sáng kiến nhằm đạt mục tiêu hoạt động NCKH SPUD	3,88	0,92	5	3,72	0,90	5	0,32**
6	Xây dựng môi trường hợp tác, tích cực, tương trợ trong hoạt động NCKH SPUD của GV	3,85	0,94	6	3,69	0,92	6	0,39*
<b>M chung</b>		<b>3,95</b>			<b>3,79</b>			<b>0,45**</b>

\* Ghi chú: Điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), thứ bậc (TB), r (hệ số tương quan, \*:  $p < 0,05$ ; \*\*:  $p < 0,01$ ); **Mức độ thực hiện**: 1. Không bao giờ; 2. Hiếm khi; 3. thỉnh thoảng; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên; **Mức độ hiệu quả**: 1. Kém; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Tốt.

Tóm lại, công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch NCKHSPUD của GV ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM được triển khai thường xuyên và đạt hiệu quả khá, đặc biệt ở các hoạt động theo dõi, hướng dẫn và xử lý vướng mắc. Tuy nhiên, việc tạo môi trường hợp tác và khích lệ động lực vẫn còn là điểm yếu, cần được lồng ghép vào chiến lược lãnh đạo nhằm nâng cao tinh thần tham gia và sáng tạo của GV. Vì vậy nhà quản lý cần chú trọng: (1) Tăng cường vai trò lãnh đạo tạo động lực và xây dựng văn hóa hợp tác nghiên cứu; (2) Đa dạng hóa hình thức chỉ đạo, ưu tiên phương pháp phân quyền – trao quyền; (3) Thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều giữa CBQL và GV để điều chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu quả triển khai kế hoạch NCKHSPUD.

#### 4.4. Thực trạng kiểm tra - đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát tại bảng 4 cho thấy, công tác KT-ĐG hoạt động NCKHSPUD tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận Bình Thạnh, TP.HCM được triển khai với mức độ thực hiện trung bình đạt 3,96 (SD = 0,88), thuộc mức thường xuyên, trong khi mức độ hiệu quả chung là 3,80 (SD = 0,90), ở mức khá. Sự chênh lệch giữa hai chỉ số này (0,16 điểm) cho thấy mặc dù hoạt động được tiến hành đều đặn, nhưng tác động thực tế tới chất lượng nghiên cứu vẫn chưa đạt mức tối ưu.

Một điểm nổi bật là nội dung “Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và điều chỉnh sau KT-ĐG” đạt mức thực hiện cao nhất (M = 4,00). Điều này phản ánh sự chú trọng đến chu trình cải tiến liên tục trong quản lý, phù hợp với nguyên tắc của nghiên cứu hành động (action research) nhấn mạnh vòng lặp “lập kế hoạch – hành động – quan sát – phản ánh” (planning –

action – observation – reflection) nhằm đảm bảo điều chỉnh kịp thời và nâng cao hiệu quả (Lewin, 1946). Các hoạt động bố trí lực lượng KT-ĐG (M = 3,98) và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá (M = 3,96) cũng được thực hiện thường xuyên, góp phần duy trì tính hệ thống và chuẩn mực trong giám sát.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế. Nội dung “Kiểm tra gắn với mục đích, yêu cầu cụ thể” có hệ số tương quan thấp nhất với hiệu quả ( $r = 0,21^{**}$ ), cho thấy việc liên kết giữa hoạt động kiểm tra và mục tiêu nghiên cứu còn mờ nhạt. Một số CBQL được phỏng vấn chia sẻ: “Chúng tôi vẫn tổ chức kiểm tra định kỳ, nhưng nếu không xác định rõ tiêu chí ngay từ đầu thì kết quả đánh giá chỉ dừng ở mức hình thức” (CBQL2;CBQL5). Điều này hàm ý rằng, khi tiêu chí đánh giá không được truyền thông rõ ràng và cụ thể, hiệu quả cải thiện chất lượng nghiên cứu sẽ bị hạn chế.

Phân tích hệ số tương quan cho thấy tất cả các nội dung đều có mối liên hệ thuận với hiệu quả ( $r$  từ  $0,21^{**}$  đến  $0,48^{**}$ ), nghĩa là mức độ thực hiện càng cao thì hiệu quả càng được cải thiện. Đáng chú ý, bố trí lực lượng KT-ĐG có hệ số tương quan cao ( $r = 0,46^{**}$ ), củng cố quan điểm của OECD (2008) rằng sự tham gia tích cực của đội ngũ lãnh đạo và GV có kinh nghiệm trong hoạt động quan sát và phản hồi chuyên môn là một trong những yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng dạy học và thúc đẩy đổi mới trong nhà trường.

**Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng kiểm tra - đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học**

TT	Kiểm tra - đánh giá hoạt động NCKHSPƯĐ của giáo viên	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Kiểm tra hoạt động NCKHSPƯĐ gắn với mục đích, yêu cầu cụ thể	3,95	0,88	4	3,80	0,91	4	0,21**
2	Xây dựng tiêu chuẩn KT-ĐG hoạt động NCKHSPƯĐ của GV	3,96	0,87	3	3,81	0,90	3	0,34**
3	Bố trí lực lượng KT-ĐG hoạt động NCKHSPƯĐ của GV ở nhà trường	3,98	0,85	2	3,83	0,88	2	0,46**
4	Tổ chức KT-ĐG thực hiện hoạt động NCKHSPƯĐ của GV ở nhà trường theo các tiêu chuẩn đã xác định	3,94	0,89	5	3,78	0,92	5	0,39**
5	Yêu cầu mỗi cá nhân bộ phận tự quản lý công việc của mình và có cơ chế báo cáo tiến độ công việc cho CBQL	3,92	0,90	6	3,75	0,93	6	0,35*
6	Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh sau KT-ĐG hoạt động NCKHSPƯĐ của GV	4,00	0,86	1	3,85	0,89	1	0,48**
<b>M chung</b>		<b>3,96</b>			<b>3,80</b>			<b>0,32 **</b>

\* Ghi chú: Điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), thứ bậc (TB), r (hệ số tương quan,

\*:  $p < 0,05$ ; \*\*:  $p < 0,01$ ); **Mức độ thực hiện:** 1. Không bao giờ; 2. Hiếm khi; 3. Thành thạo; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên; **Mức độ hiệu quả:** 1. Kém; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Tốt

Tóm lại, công tác KT-ĐG NCKHSPUD ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM được duy trì thường xuyên và khá hiệu quả, nhất là ở khâu tổng kết, rút kinh nghiệm và bố trí lực lượng đánh giá. Tuy nhiên, để gia tăng tác động thực tiễn, cần: xác lập tiêu chí đánh giá cụ thể, gắn chặt với mục tiêu nghiên cứu; xây dựng hệ thống phản hồi đa chiều, liên tục nhằm đảm bảo kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện thực chất chất lượng nghiên cứu của GV.

#### 4.5. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh

**Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên ở các trường tiểu học**

TT	Yếu tố ảnh hưởng	CBQL, GV		Thứ bậc
		M	SD	
<b>Yếu tố khách quan</b>				
1	Xu thế phát triển nền kinh tế tri thức và cách mạng khoa học công nghệ trong bối cảnh đổi mới	3,68	1,03	3
2	Bối cảnh đổi mới giáo dục và đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông	3,77	1,05	1
3	Cơ sở pháp lý, chủ trương chính sách về hoạt động NCKHSPUD của GV	3,75	1,05	2
4	Chính sách của cơ quan quản lý giáo dục địa phương	3,66	1,08	4
5	Điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của địa phương	3,65	1,06	5
<b>M chung</b>		<b>3,69</b>		
<b>Yếu tố chủ quan</b>				
5	Nhận thức của đội ngũ CBQL và GV về tầm quan trọng của hoạt động NCKHSPUD của GV	3,86	1,01	3
6	Năng lực và phẩm chất của nhà quản lý trường tiểu học trong quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV	3,89	1,00	2
7	Năng lực NCKHSPUD của đội ngũ GV tiểu học	3,90	0,98	1
8	Môi trường sư phạm và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học	3,86	1,01	3
<b>M chung</b>		<b>3,88</b>		

\* Ghi chú: Điểm trung bình (M), độ lệch chuẩn (SD), thứ bậc (TB); **Mức độ ảnh hưởng:** 1. Không ảnh hưởng; 2. Ít ảnh hưởng; 3. Phân vân; 4. Ảnh hưởng nhiều; 5. Ảnh hưởng rất nhiều

Tổng hợp đánh giá của CBQL và GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan đến quản lý hoạt động NCKHSPUD của đội ngũ GV tại bảng 5 cho thấy:

- **Yếu tố khách quan:** Xét chung toàn mẫu, kết quả chỉ rõ, CBQL và GV đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan đến thực trạng hiệu quả quản lý hoạt động NCKHSPUD của đội ngũ GV ở mức “Ảnh hưởng nhiều” ( $M=3.65-3.77$ ). M càng cao thể hiện sự đồng thuận lớn hơn về mức độ ảnh hưởng của yếu tố đó, trong khi độ lệch chuẩn cho biết mức độ phân tán của các ý kiến, với giá trị nhỏ biểu thị ý kiến đồng nhất hơn giữa các đối tượng khảo sát. Trong đó, yếu tố được CBQL và GV đánh giá có mức ảnh hưởng lớn nhất là Bối cảnh đổi mới giáo dục và đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông ( $M=3,77$ ); Cơ sở pháp lý, chủ trương chính sách về hoạt động NCKHSPUD của GV ( $M=3,75$ ); Xu thế phát triển nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học công nghệ trong bối cảnh đổi mới ( $M=3,68$ ). Các yếu tố trên đây đều liên quan đến việc hoạt động NCKH SPUD của đội ngũ GV được thực hiện trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục và đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông đặt ra các yêu cầu trong dạy học và giáo dục, đòi hỏi GV tiểu học phải có giải pháp tích cực và sáng tạo để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục ở bậc tiểu học trong các môn học và hoạt động giáo dục; đồng thời hoạt động NCKHSPUD cũng được diễn ra trong điều kiện về hành lang pháp lý, cơ chế, chủ trương, chính sách của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý giáo dục. Về yếu tố vĩ mô, đó là sự phát triển mạnh mẽ từ nền kinh tế và khoa học công nghệ, đòi hỏi ngành giáo dục, đặc biệt đội ngũ GV trong nhà trường không thích ứng và phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện dạy học, giáo dục mô hình nhân cách học sinh đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.

- **Yếu tố chủ quan:** Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến thực trạng quản lý quản lý hoạt động NCKHSPUD của đội ngũ GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được CBQL và GV đánh giá ở mức “Ảnh hưởng nhiều” ( $M = 3,86-3,90$ ). Trong đó, kết quả cho thấy các yếu tố thuộc về Năng lực NCKHSPUD của đội ngũ GV ở trường tiểu học; Năng lực và phẩm chất của nhà quản lý trường tiểu học trong quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV được đánh giá xếp thứ bậc cao nhất về mức độ ảnh hưởng. Thống nhất với kết quả khảo sát bằng bảng hỏi, kết quả phỏng vấn thu thập được từ CBQL và GV đã khẳng định: Người CBQL phải có năng lực quản lý, thể hiện ở khâu xây dựng kế hoạch khoa học; vận hành, tổ chức, điều hành hoạt động NCKHSPUD của GV thống nhất, đồng bộ và KT-ĐG hoạt động NCKHSPUD của GV đảm bảo mục tiêu, tiêu chí; năng lực huy động nguồn lực trong và ngoài nhà trường cùng tham gia thực hiện các nội dung hoạt động NCKH SPUD của GV ở trường tiểu học đạt mục tiêu đã xác định bằng trách nhiệm, tâm huyết, nhiệt tình, sáng tạo (CBQL3,CBQL4, GV2). Đặc biệt, để tạo ra những sản phẩm NCKH SPUD có chất lượng, hiệu quả thì yếu tố năng lực NCKH của GV từ việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu; xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu; lựa chọn và sử dụng các phương pháp nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng; đồng thời, môi trường học thuật, NCKH và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu ảnh hưởng lớn đến hiệu quả NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học (CBQL5;GV6).

Kết quả tại bảng 5 cũng báo cáo, các yếu tố chủ quan, đặc biệt là năng lực của nhà quản lý và GV, được đánh giá cao hơn so với các yếu tố khách quan. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố con người và sự chuẩn bị cá nhân trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động NCKHSPUD ở các trường tiểu học. Tóm lại, CBQL và GV ở các trường tiểu học trên địa bàn Quận Bình Thạnh, TP.HCM, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý NCKH SPUD của GV ở trường tiểu học trên địa bàn đến các yếu tố khách quan và chủ quan, từ yếu tố vĩ mô của nền kinh tế - xã hội, thành tựu của khoa học và công nghệ, đến bối cảnh đổi mới giáo dục và đặc biệt các yếu tố bên trong nhà trường về nhận thức, thái độ, năng lực của đội ngũ CBQL, GV trường tiểu học và các yếu tố nguồn lực: thời gian, kinh phí, điều kiện cơ sở vật chất,... Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý NCKHSPUD của GV ở trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu, nhiều nội dung chưa được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả có nguyên nhân xuất phát từ các khía cạnh khách quan và chủ quan nêu trên.

## 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV tại các trường tiểu học Quận Bình Thạnh, TP.HCM đã được triển khai thường xuyên ở cả bốn chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và KT-ĐG. Trong đó, mức độ thực hiện nhìn chung cao hơn mức độ hiệu quả ở tất cả các nội dung, phản ánh rằng mặc dù hoạt động đã được tiến hành đều đặn, song tác động thực tế tới chất lượng nghiên cứu vẫn chưa đạt mức tối ưu. Điểm mạnh nổi bật là việc xác định mục tiêu và phân công phụ trách cụ thể trong lập kế hoạch; tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực nghiên cứu và phát huy vai trò GV nòng cốt trong hướng dẫn đồng nghiệp; chỉ đạo theo hướng theo sát tiến độ, kịp thời hỗ trợ và xử lý vướng mắc; và đặc biệt là duy trì hoạt động tổng kết, rút kinh nghiệm và điều chỉnh sau KT-ĐG.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế cần lưu ý như: phân tích bối cảnh chưa gắn chặt với việc xác lập tiêu chí đánh giá cụ thể; một số tiêu chí đánh giá còn chung chung, thiếu tính lượng hóa; cơ chế khuyến khích, động viên GV tham gia nghiên cứu chưa thực sự phát huy; lực lượng KT-ĐG đôi khi được bố trí mang tính hình thức, chưa dựa hoàn toàn trên năng lực thực tế. Một số nội dung KT-ĐG chưa đa dạng về phương pháp, thiếu kênh phản hồi trực tiếp và cơ chế phản hồi đa chiều, dẫn đến khả năng cải thiện chất lượng chưa cao. Phân tích thông kê cho thấy tất cả các nội dung đều có mối tương quan thuận với hiệu quả thực hiện ( $r$  từ 0,21\*\* đến 0,48\*\*), nghĩa là khi mức độ thực hiện tăng thì hiệu quả cũng có xu hướng cải thiện.

Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra rằng hiệu quả quản lý hoạt động NCKHSPUD chịu tác động đồng thời của các yếu tố chủ quan và khách quan. Các yếu tố chủ quan bao gồm năng lực quản lý và chuyên môn nghiên cứu của GV, thái độ và động cơ nghiên cứu của GV, tinh thần hợp tác trong tập thể sư phạm, cùng điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực nội bộ. Các yếu tố khách quan bao gồm sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, chính sách khuyến khích nghiên cứu, bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, và sự hỗ trợ từ cộng đồng, cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu. Đáng chú ý, nhóm yếu tố chủ quan có ảnh hưởng trực tiếp và tức thời hơn đến hiệu quả thực hiện, trong khi nhóm yếu tố khách quan đóng vai trò định hướng, tạo điều kiện và khung pháp lý. Bài viết đã đánh giá được thực trạng quản lý hoạt động NCKHSPUD của GV tại các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu, góp phần tạo cơ sở khoa học để đề xuất biện pháp quản lý phù hợp.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường tiểu học.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*
- Deming, W. E. (1986). *Out of the crisis.* Cambridge, MA: Center for Advanced Engineering Study, Massachusetts Institute of Technology.
- Fullan, M., & Quinn, J. (2016). *Coherence: The Right Drivers in Action for Schools, Districts, and Systems.* Thousand Oaks, CA: Corwin Press
- Heck, R. H., & Hallinger, P. (2010). Testing a longitudinal model of distributed leadership:

- Effects on school structure and process. *Educational Administration Quarterly*, 46(1), 66–97. <https://doi.org/10.1177/1094670509354617>
- Hine, G. S. C. (2013). The importance of action research in teacher professional development. *Australian Journal of Teacher Education*, 38(4), 1–19. <https://doi.org/10.14221/ajte.2013v38n4.9>
- Hồ, V. T., Nguyễn, V. Đ., Lữ, T. H. Y., & Cao, T. H. (2024). Nghiên cứu phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(1), 67-72
- Kemmis, S., McTaggart, R., & Nixon, R. (2014). *The action research planner: Doing critical participatory action research*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-981-4560-67-2>
- Lewin, K. (1946). Action research and minority problems. *Journal of Social Issues*, 2(4), 34-46. <https://doi.org/10.1111/j.1540-4560.1946.tb02295.x>
- McNiff, J. (2017). *Action research: All you need to know*. SAGE Publications.
- Mertler, C. A. (2019). *Action research: Improving schools and empowering educators* (5th ed.). SAGE Publications.
- Nguyễn, Đ. H. (2014). Đảm bảo chất lượng nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể. *Tạp chí Giáo dục*, 337(1), 10-11.
- Nguyễn, T. M. H., & Nguyễn, V. K. (2016). Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu cho giảng viên trẻ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 7, 93-105.
- Nguyễn, V. Đ., & Nguyễn, V. V. (2018). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Giáo dục*, 425(1), 5-9.
- Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). McGraw-Hill.
- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2008). *Improving school leadership, volume 1: Policy and practice*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264044715-en>
- OECD. (2008). *Creating effective teaching and learning environments: First results from TALIS (TALIS 2008)*. Paris: OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264068780-en>
- Phạm , T. H. (2021). Thực trạng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường Trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 18(11), 2097. <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.11.3294> (2021)
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục 2019*.
- UNESCO. (2000). *The Dakar framework for action: Education for all – Meeting our collective commitments*. UNESCO.
- Zhang, J., Wong, K., & Sun, H. (2021). The influence of informal teacher interactions on professional learning in Chinese secondary schools. *Frontiers in Psychology*, 12, 681774